

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS - ST

Ngày: 24 - 9 - 2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng  
và hợp đồng thế tín dụng”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hệ, bà Vũ Thị Thùy Đông.*

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Đăng Việt - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 02/01/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 22/6/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS, ngày 21/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-DS, ngày 14/8/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng T (viết tắt là V).

Địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị V.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Việt H - Trưởng bộ phận xử lý nợ; Ông Lâm Đức H1 - Chuyên viên xử lý nợ cao cấp; bà Vũ Thị Ánh N - Chuyên viên xử lý nợ, đều thuộc Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng T (theo văn bản ủy quyền số 8394/2019/UQ-VPB ngày 16/11/2019). Đến ngày 01/6/2020, V ủy quyền cho ông Lại Vy C - Chuyên viên xử lý nợ - Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng T thay thế bà Vũ Thị Ánh N (theo văn bản ủy quyền số 324/2020/UQ-VPB ngày 01/6/2020).

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà V1, số 78 (tầng 7), phường D, quận C1, TP Hà Nội.

Ông Nguyễn Việt H và ông Lại Vy C có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 19, đường B, phường H2, thành phố H3, tỉnh Hưng Yên.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; bản tự khai và các tài liệu khác có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Hoàng T1 vay của V tổng số tiền là: 482,000,000 đồng theo Hợp đồng thế tín dụng số 115-P-480349 ngày 15/9/2016 và Hợp đồng tín dụng số 9182561 ngày 14/09/2016, có khế ước nhận nợ kèm theo. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu KIA RIO, số máy: G4FAGS059729, số khung: KNADN412BG6038366, Biển kiểm soát: 89A-083.28 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Nguyễn Hoàng T1, hiện đang thế chấp tại V theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 9182561 ngày 14/09/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. V đã giải ngân và anh Nguyễn Hoàng T1 đã nhận của V tổng số tiền vay là: 482,000,000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, anh Nguyễn Hoàng T1 đã thanh toán cho V theo Hợp đồng đã ký cụ thể như sau:

1. *Hợp đồng tín dụng số 9182561 ngày 14/09/2016:* Tổng số tiền gốc đã trả: 6,000,000 đồng; Tổng số tiền lãi đã trả: 3,555,131 đồng; Tổng cộng: 9,555,131 đồng.

2. *Hợp đồng thế tín dụng số 115-P-480349 ngày 15/9/2016:* Tổng số tiền đã trả: 3,214,146 đồng.

Tổng số tiền anh T1 đã thanh toán cho V là: 12,796,277 đồng.

Tạm tính đến ngày 09/01/2020, anh Nguyễn Hoàng T1 còn nợ V tổng số tiền: 800,850,985 đồng, cụ thể như sau:

- *Hợp đồng tín dụng số 9182561 ngày 14/09/2016:* Nợ gốc: 426,000,000đ đồng; Nợ lãi: 222,507,222 đồng; Tổng: 648,507,222 đồng.

- *Hợp đồng thế tín dụng số 115-P-480349 ngày 15/9/2016* (ngày mở thẻ là ngày 15/9/2016), hạn mức cấp tín dụng là 50 triệu đồng. Sau khi mở thẻ, anh T1 đã chi tiêu trong Thẻ tín dụng với tổng số tiền gốc là 49,911,530đ. Đến thời hạn thanh toán, anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên khoản nợ quá hạn vào ngày 09/11/2016 là: Nợ gốc: 49,911,530 đồng; Nợ lãi: 102,432,233 đồng; Tổng: 152,343,763 đồng. V đã nhiều lần yêu cầu anh Nguyễn Hoàng T1 thực hiện trả nợ nhưng anh T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nay V đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc anh Nguyễn Hoàng T1 phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản chi phí phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tạm tính đến ngày 09/01/2020 là: 800,850,985 đồng và toàn bộ lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho đến thời điểm thực tế anh Nguyễn Hoàng T1 thanh toán hết nợ cho V.

Đề nghị Tòa án tuyên trong Bản án nội dung: V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V, cụ thể như sau: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu KIA RIO, số máy: G4FAGS059729, số khung:

KNADN412BG6038366, Biên kiểm soát: 89A-083.28 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Nguyễn Hoàng T1; theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 9182561 ngày 14/09/2016.

Đề nghị Tòa án tuyên V tiếp tục được tính lãi suất theo hợp đồng cho đến ngày anh Nguyễn Hoàng T1 thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi phát mại, kê biên không đủ để trả toàn bộ khoản nợ, V có quyền tiếp tục truy đòi nợ và yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Hoàng T1 để trả nợ cho V.

**Tại Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2020, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1 trình bày:**

Do có nhu cầu mua xe để làm phương tiện đi lại nhưng không đủ tiền nên anh T1 đến Ngân hàng để làm thủ tục vay tiền. Ngày 14/9/2016 giữa Ngân hàng T với anh có ký kết Hợp đồng tín dụng số 9182561 với nội dung: Nguyễn Hoàng T1 vay của V số tiền gốc 432.000.000đ, thời hạn vay 72 tháng, tính từ ngày giải ngân vay vốn đầu tiên; mục đích sử dụng tiền vay để mua 01 xe ô tô mới 100%, nhãn hiệu KIA RIO, 4 cửa AT; phương thức cho vay là trả góp. Lãi suất cho vay (trong hạn) được quy định trong khế ước nhận nợ ký kết giữa bên vay và bên Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo, bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn khi đã điều chỉnh định kỳ.

Cùng ngày 14/9/2016, V đã giải ngân một lần với số tiền 432.000.000đ cho anh T1, anh đã nhận nợ theo Khế ước nhận nợ lần 01/số: 9182561. Nội dung nhận nợ theo Khế ước như sau: Số tiền nhận nợ: 432.000.000đ; Thời hạn vay từ 14/9/2016 đến ngày 14/9/2022; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,49%; Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/10/2016, tổng cộng gồm 72 kỳ, số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 6.000.000đồng. Các kỳ trả nợ lãi: bên vay phải trả tiền lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/ lần, vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/10/2016.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Rio, số máy G4FAGS059729, số khung KNADN412BG6038366, biên kiểm soát 89A-083.28 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh T1. Việc thế chấp xe ô tô được lập thành hợp đồng ngày 14/9/2016, có chứng nhận của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh T1 đã trả V được tổng số tiền là 9.555.131 đồng, trong đó số tiền gốc đã trả là 6.000.000đ, số tiền lãi đã trả là 3.555.131đ.

Ngoài ra, giữa V và anh T1 còn ký kết hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/9/2016 (Theo giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, số thẻ trên hệ thống 115-P-480349 ngày 15/9/2016), hạn mức cấp tín dụng là 50 triệu đồng. Sau khi Ngân hàng cấp cho anh T1 thẻ tín dụng, anh T1 đã nhiều lần rút tiền, cũng đã thanh toán số tiền tối thiểu để được rút tiền tiếp. Tính đến nay, anh T1 xác định số tiền nợ gốc là 49.911.530 đồng; nợ lãi 102.432.233 đồng; tổng số tiền đã trả 3.214.146 đồng, như Ngân hàng tính. Anh T1 không có ý kiến gì đối với cách tính của Ngân hàng.

Từ năm 2016 đến nay, anh T1 xác định đã trả được V tổng số tiền là 12.796.277 đồng. Do vi phạm thời hạn trả nợ tiền gốc, lãi như cam kết trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, nên Ngân hàng có đơn khởi kiện anh ra Tòa án, quan điểm của anh T1 về số tiền gốc, lãi tính đến ngày 09/01/2020 như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 9182561 ngày 14/9/2016: Nợ gốc: 426.000.000đ; Nợ lãi: 222.507.222đồng. Tổng: 648.507.222đồng.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 115-P-480349 ngày 15/9/2016: Nợ gốc: 49.911.530đ; Nợ lãi: 102.432.233đồng. Tổng: 152.343.763đồng.

Tổng số tiền cho cả hai hợp đồng tạm tính đến ngày 09/01/2020 là 800.850.985đ. Anh T1 đồng ý và xác nhận số nợ này. Tuy nhiên, do khó khăn về kinh tế nên đề nghị V cho thời gian để trả nợ.

Đối với tài sản thế chấp, hiện chiếc xe ô tô anh T1 đang cho bạn mượn, trong thời gian sớm nhất anh sẽ mang xe ô tô về để cho Tòa án thẩm định. Anh T1 khẳng định chưa chuyển nhượng xe cho ai.

Sau ngày 15/01/2020, Tòa án triệu tập bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1 đến Tòa án để trình bày về tài sản bảo đảm cho khoản vay với nguyên đơn và các vấn đề khác có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn. Do anh T1 không có mặt tại nơi cư trú, không thông báo về việc thay đổi nơi cư trú cho Tòa án và cũng không có người thân thích nhận thay Giấy triệu tập nên Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn niêm yết, anh T1 vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc và cũng không có lý do vắng mặt.

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị không xem xét thẩm định tại chỗ tài sản bảo đảm và chịu trách nhiệm với đề nghị không xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã Thông báo cho đại diện nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1 đến tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 vắng mặt nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Ngày 21/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã mở phiên tòa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 22/6/2020, tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng

mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 14/8/2020, Hội đồng xét xử tiếp tục hoãn phiên tòa do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa. Ngày 07/9/2020, Hội đồng xét xử ra quyết định tạm ngừng phiên tòa và ấn định thời gian phiên tòa mở lại vào ngày 24/9/2020.

**Tại phiên tòa hôm nay:**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Hoàng T1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho V số tiền 892.347.298 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2020), cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 9182561 ngày 14/9/2016:

- Nợ gốc: 426.000.000 đồng.
- Nợ lãi: 271.467.092 đồng.

**Tổng cộng: 697.467.092 đồng.**

Hợp đồng thẻ tín dụng số 115-P-480349 ngày 15/9/2016:

- Nợ gốc: 49.911.530 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 144.968.676 đồng.

**Tổng cộng: 194.880.206 đồng.**

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thẻ tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo cho đến ngày anh Nguyễn Hoàng T1 thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án: V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản của anh Nguyễn Hoàng T1 để thu hồi nợ cụ thể là: 01 ô tô hiệu KIA RIO, số máy: G4FAGS059729, số khung: KNADN412BG6038366, Biển kiểm soát: 89A-083.28 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Nguyễn Hoàng T1.

Trường hợp sau khi kê biên, phát mại chiếc xe không đủ để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xem xét, xác minh điều kiện thi hành án của anh Nguyễn Hoàng T1, trường hợp có đủ điều kiện tiến hành kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc sở hữu của anh Nguyễn Hoàng T1 để đảm bảo thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho V. Anh Nguyễn Hoàng T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách tham

gia tố tụng của đương sự, thu thập chứng cứ, công bố chứng cứ và niêm yết công khai văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về đề xuất nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 342, 343, 344, 346, 348, 349, 350, 351, 355 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với anh Nguyễn Hoàng T1.

Buộc anh Nguyễn Hoàng T1 phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 475.911.530 đồng và tiền lãi là 416.435.768đ, tổng cộng gốc và lãi là 892.347.298đ (tính đến ngày xét xử, ngày 24/9/2020) cho hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

**[1] Về tố tụng:** V có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng (hợp đồng mang tính chất tiêu dùng, không có mục đích lợi nhuận) với anh Nguyễn Hoàng T1, cư trú tại số nhà 19, đường B, phường H2, thành phố H3, tỉnh Hưng Yên. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về hợp đồng tín dụng số 9182561 ngày 14/9/2016 và Hợp đồng thế tín dụng ngày 15/9/2016 (Theo giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm) giữa V - với anh Nguyễn Hoàng T1: Hợp đồng này được lập thành văn bản, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng và ký tên, đóng dấu xác nhận, nên hình thức và nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[2.2] Về Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 9182561 ngày 14/9/2016 giữa V với anh Nguyễn Hoàng T1: Chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu KIA RIO, số máy:

G4FAGS059729, số khung: KNADN412BG6038366, Biển kiểm soát: 89A-083.28 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh T1, việc thế chấp được các bên lập hợp đồng, được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng, phù hợp với quy định tại các Điều 342, 343 Bộ luật Dân sự năm 2005. Thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng thế chấp phù hợp với các Điều 344, 346, 348, 349, 350, 351, 355 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

### **[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:**

**[3.1]** Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc, tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 9182561 ngày 14/9/2016:

- Về số tiền gốc: Anh T1 thừa nhận vay của V số tiền gốc 432 triệu đồng, đã trả 06 triệu đồng vào ngày 21/12/2016. Tuy nhiên, đến kỳ trả nợ gốc đầu tiên, anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc, nên vi phạm Điều 4 Hợp đồng tín dụng và khoản 7, 8 của Khế ước nhận nợ, khoản nợ chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 14/11/2016. Do đó V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết thu hồi nợ trước hạn toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 426 triệu đồng đối với anh Nguyễn Hoàng T1 là phù hợp với Điều 6 của Hợp đồng tín dụng.

- Về số tiền lãi: Lãi suất được thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng và khoản 5, 6 Khế ước nhận nợ, cụ thể: Các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,49%/ năm, mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/9/2017, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/10/2017. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của Ngân hàng cộng biên độ 4%/năm. Thỏa thuận về lãi suất của các đương sự phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử 24/9/2020 như sau:

+ Tiền lãi trong hạn: Từ ngày 14/9/2016 đến ngày 13/11/2016 (61 ngày). Lãi suất trong hạn được tính bằng số ngày x lãi suất x dư nợ/365 ngày - tiền lãi đã trả = 61 ngày x 8.49% x 432.000.000đ/365 ngày = 6.129.547đ - 555.047đ = **5.574.500đ**.

+ Tiền lãi quá hạn (tính theo từng thời điểm điều chỉnh lãi suất) = Dư nợ gốc x lãi suất quá hạn x số ngày quá hạn/365 ngày:

Lãi quá hạn từ 14/11/2016 đến 20/12/2016 (37 ngày) = Dư nợ gốc x lãi suất quá hạn x số ngày quá hạn/365 ngày - tiền lãi đã trả = 432.000.000đ x 12.735% x 37 ngày/365 ngày = 5.576.883đ - 3.000.084đ = **2.576.799đ**;

Lãi quá hạn từ 21/12/2016 đến 13/09/2017 (267 ngày) = 426,000,000đ x 12,735% x 267/365 ngày = **39,685,051** đồng;

Lãi quá hạn từ 14/09/2017 đến 31/03/2018 (199 ngày) =  $426,000,000đ \times 17.10\% \times 199/365 \text{ ngày} = \mathbf{39,716,038 \text{ đồng}};$

Lãi quá hạn từ 01/04/2018 đến 31/12/2018 (275 ngày) =  $426,000,000đ \times 16.80\% \times 275/365 \text{ ngày} = \mathbf{53,921,096 \text{ đồng}};$

Lãi quá hạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (181 ngày) =  $426,000,000đ \times 17.70\% \times 181/365 \text{ ngày} = \mathbf{37,391,129 \text{ đồng}};$

Lãi quá hạn từ 01/07/2019 đến 31/12/2019 (184 ngày) =  $426,000,000đ \times 18\% \times 184/365 \text{ ngày} = \mathbf{38,655,123 \text{ đồng}};$

Lãi quá hạn từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 (91 ngày) =  $426,000,000đ \times 17.40\% \times 91/365 \text{ ngày} = \mathbf{18,480,230 \text{ đồng}};$

Lãi quá hạn từ 01/04/2020 đến 30/06/2020 (91 ngày) =  $426,000,000đ \times 16.95\% \times 91/365 \text{ ngày} = \mathbf{18,002,293 \text{ đồng}};$

Lãi quá hạn từ 01/07/2020 đến 24/09/2020 (86 ngày) =  $426,000,000đ \times 17.40\% \times 86/365 \text{ ngày} = \mathbf{17,464,833 \text{ đồng}}.$

Tổng tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn =  $\mathbf{269.022.100đ + 5.574.500đ = 271.467.092đ}.$

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc, tiền lãi quá hạn của hợp đồng thẻ tín dụng (giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm), số hợp đồng trên hệ thống Ngân hàng là 115-P-480349, ngày vay (ngày mở thẻ) 15/9/2016:

- Về số tiền gốc: Anh T1 thừa nhận phía V có cấp cho anh 01 thẻ tín dụng (loại thẻ tín dụng quốc tế V StepUp Titanium MasterCard), hạn mức cấp tín dụng là 50 triệu đồng. Sau khi mở thẻ, anh T1 đã chi tiêu trong Thẻ tín dụng với tổng số tiền gốc là 51.411,530đ. Ngày 19/11/2016, anh T1 đã thanh toán 214.146đ; ngày 07/02/2017, anh T1 đã thanh toán 3.000.000đ, V hoạch toán số tiền đã trả: trả gốc 1.500.000đ, trả lãi 1.500.000đ, phí phạt 111.883đ. Như vậy, số tiền gốc anh T1 còn nợ lại là 49.911.530đ. Đến thời hạn thanh toán, anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên khoản nợ quá hạn vào ngày 09/11/2016. Do đó, V yêu cầu anh T1 trả số tiền **nợ gốc 49.911.530đ** đối với hợp đồng thẻ tín dụng là đúng quy định.

- Về số tiền lãi: Do khoản nợ quá hạn vào ngày 09/11/2016 nên anh T1 phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh theo cam kết tại mục II của Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, mục II có cam kết: “... Bằng việc ký tên vào mẫu đơn này, Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng đã đọc, hiểu rõ và đồng ý bị ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện sử dụng của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ Tín dụng V mà nó, cũng với mẫu đơn này tạo nên một hợp đồng về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ràng buộc về mặt pháp lý giữa Tôi/Chúng tôi và V. Bản thỏa thuận sử dụng thẻ Tín dụng V được công bố công khai trên Website chính thức của V”. Tại mục 3, STT 2 của Quyết định số 134/2016/QĐ-TGD ngày 24/02/2016 (có hiệu lực từ ngày 01/3/2016), lãi suất áp dụng cho Thẻ tín dụng hạng Titan là 2.19%/tháng; tại Quyết định số 265/2018/QĐ-TGD ngày 05/4/2018 (có hiệu lực từ ngày 25/4/2018) về



việc ban hành thay đổi lãi suất của thẻ tín dụng áp dụng cho khách hàng cá nhân thì lãi suất áp dụng cho Thẻ tín dụng hạng Titan (StepUp) là 2.79%/tháng; tại Quyết định số 354/2019/QĐ-TGD ngày 21/5/2019 (có hiệu lực từ ngày 06/6/2019) về việc ban hành điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng khối Khách hàng cá nhân thì lãi suất áp dụng cho Thẻ tín dụng hạng Titan (StepUp) là 2.99%/tháng. Lãi phát sinh bằng số dư thực tế x số ngày duy trì số dư thực tế x lãi suất tính lãi/365 ngày. Trong đó: Số dư thực tế là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả thực tế mà khách hàng còn phải trả cho V được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận và quy định pháp luật. Số ngày duy trì số dư thực tế: là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu khách hàng thanh toán không đầy đủ khoản thanh toán tối thiểu, phần này sẽ bị tính lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn, số dư nợ còn lại vẫn được tính lãi trong hạn đang áp dụng. Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu khách hàng thanh toán không đủ khoản thanh toán tối thiểu trong Sao kê gần nhất, thì toàn bộ dư nợ của khách hàng sẽ phải chịu lãi suất 150% lãi suất trong hạn. Số tiền tối thiểu phải trả bằng 5% x dư nợ cuối kỳ + số tiền thanh toán tối thiểu kỳ trước chưa thanh toán hết. Ngoài ra, chủ thẻ còn phải chịu tiền phí quá hạn.

Như vậy, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và tiền phí quá hạn được các bên thỏa thuận nêu trên không trái với quy định của pháp luật; việc tính lãi theo bảng kê của V đều dựa trên các quyết định đã công bố, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể: Tính đến ngày 24/9/2020, số ngày quá hạn thanh toán là 1416 ngày, tổng số tiền lãi quá hạn mà anh T1 phải trả cho V là **144.968.676đ**.

**[3.3]** Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tại Điều của 7 Hợp đồng thế chấp xe ô tô các bên đương sự có thỏa thuận về các trường hợp xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, trong đó có trường hợp “*bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các văn kiện tín dụng đã ký kết với Ngân hàng*” (điểm a, khoản 1 Điều 7). Tại mục (iv) điểm b khoản 1 Điều của 8 Hợp đồng thế chấp xe ô tô, các bên đương sự có thỏa thuận “...*nếu trường hợp số tiền thu được từ bên mua không đủ để thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ, bên thế chấp phải tiếp tục dùng tất cả các tài sản khác để thanh toán phần còn thiếu cho bên Ngân hàng*”. Do đó, trường hợp anh Nguyễn Hoàng T1 không trả hoặc trả không đầy đủ như quyết định của bản án thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu KIA RIO, Biển kiểm soát: 89A-083.28 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Nguyễn Hoàng T1 để thu hồi toàn bộ tiền nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Hoàng T1 để trả nợ đến khi trả hết các khoản nợ cho V.

**[4] Về án phí sơ thẩm:** Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 342, 343, 344, 346, 348, 349, 350, 351, 355, 357 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1.

Buộc anh Nguyễn Hoàng T1 phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 475.911.530đ (bốn trăm bảy mươi năm triệu chín trăm mười một nghìn năm trăm ba mươi đồng) và tiền lãi là 416.435.768đ (bốn trăm mười sáu triệu bốn trăm ba năm nghìn bảy trăm sáu tám đồng), tổng cộng gốc và lãi là 892.347.298đ (tám trăm chín hai triệu ba trăm bốn bảy nghìn hai trăm chín tám đồng) tính đến ngày xét xử, ngày 24/9/2020, trong đó:

\* Hợp đồng tín dụng số 9182561 ngày 14/9/2016 (số hợp đồng trên hệ thống là LD1625801398): Nợ gốc: 426.000.000đ (bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng); Nợ lãi: 271.467.092đ (hai trăm bảy mươi triệu bốn trăm sáu bảy nghìn không trăm chín hai đồng).

\* Hợp đồng thế tín dụng (giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm, đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm), số hợp đồng trên hệ thống Ngân hàng 115-P-480349, ngày vay (ngày mở thẻ) 15/9/2016: Nợ gốc: 49.911.530đ (bốn chín triệu chín trăm mười một nghìn năm trăm ba mươi đồng); Nợ lãi: 144.968.676đ (một trăm bốn bốn triệu chín trăm sáu tám nghìn sáu trăm bảy sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2020), anh Nguyễn Hoàng T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ Tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng V.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ Tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của V thì lãi suất mà anh Nguyễn Hoàng T1 phải tiếp tục thanh toán cho V theo Bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của V.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Nguyễn Hoàng T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là chiếc

xe ô tô con, nhãn hiệu KIA RIO, số máy: G4FAGS059729, số khung: KNADN412BG6038366, Biển kiểm soát: 89A-083.28 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Nguyễn Hoàng T1, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 9182561 ngày 14/9/2016 giữa V với anh Nguyễn Hoàng T1, được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng để thu toàn bộ tiền nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Hoàng T1 để trả nợ đến khi trả hết các khoản nợ cho V.

**2. Về án phí:** Anh Nguyễn Hoàng T1 phải chịu án phí dân sự là 38.770.419đ (Ba mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bốn trăm mười chín đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 17.760.000đ (mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001057 ngày 31/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS TP. Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)**

**Vũ Thị Kim Anh**

